

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST
Ngày: 12-8-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mai Loan

Ông Trần Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Duy Tùng – Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Phú H, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Cư xá Đ, Phường A, Quận C, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc; Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giuộc.

2. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1948;

3. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1951; (vợ ông S)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Ông H, bà M, ông S có mặt; ông T, bà X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn – ông Đặng Phú H trình bày: Ông khởi kiện yêu cầu:

- Yêu cầu bà Đặng Thị M trả lại cho ông phần đất có diện tích khoảng 50m², thuộc một phần thửa số 395, Tờ bản đồ số 4, loại đất thổ, đất tọa lạc ấp L, xã P, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An do bà Đặng Thị M đang đứng tên quyền sử dụng đất;

- Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho bà Đặng Thị M vào ngày 10-8-2004 đối với phần diện tích 50m² nêu trên.

- Yêu cầu bà M trả cho ông H 4m³ cát (hoặc quy đổi ra tiền) mà bà M san bằng phần cát ông H đã san lấp tại diện tích 50m² nêu trên.

Sau khi có Mạnh trích đo địa chính, ông H bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Đặng Thị M trả cho ông phần đất có diện tích cụ thể là 167m² tương ứng với vị trí B trong Mạnh trích đo địa chính số 170-2021; và ông Đặng Văn S trả cho ông phần đất có diện tích cụ thể là 3,5m² tương ứng với vị trí A trong Mạnh trích đo địa chính số 170-2021. Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp cho bà M, cấp cho ông S đối với phần đất tranh chấp nêu trên.

Cơ sở của việc khởi kiện: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông bà, cha mẹ để lại cho ông, bằng khoán ai đứng tên thì ông không rõ. Cha ông mất năm 1937, mẹ ông mất năm 1989. Năm 1955, ông đi học ở Sài Gòn. Khoảng năm 1967, ông đưa mẹ lên Sài Gòn sinh sống, ông có nhờ cháu là Đặng Văn N (hiện đã chết) về ở nhà và trông coi đất đai, nhưng N không biết rõ ranh giới đất. Tuy nhiên, ông biết rõ ranh giới đất của cha mẹ ông để lại. Ông vẫn đi về hàng tuần thăm nhà. Sau năm 1975, đi lại khó khăn nên khoảng một tháng ông về thăm nhà một lần thì tình hình đất đai vẫn ổn. Sau đó, ông N đã tự ý kê khai đăng ký toàn bộ phần đất đai mà cha mẹ để lại cho ông (vì ông là con út nên được hưởng toàn bộ phần đất do cha mẹ để lại, có xác nhận quyền thừa kế của các anh em trong gia đình ngày 23-7-2004). Thời điểm ông về đòi ông N giao lại đất, ông mới biết ông N đã đăng ký quyền sử dụng phần đất của ông. Sau đó, ông N đã thỏa thuận chỉ giao lại cho ông một phần đất có diện tích 1.075m² thuộc thửa 391, Tờ bản đồ số 4, và được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào ngày 07-10-2005.

Thời điểm có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do bận rộn cuộc sống cá nhân nên ông không về địa phương kê khai đăng ký. Từ trước đến nay, ông chưa được cấp quyền sử dụng đối với toàn bộ phần đất mà cha mẹ để lại cho ông (trừ phần đất ông N giao lại).

Ông Đặng Văn S1 trong quá trình làm việc tại chính quyền địa phương, đã lấn chiếm phần đất của ông (có diện tích và vị trí tương ứng với phần đất ông đang tranh chấp) nhập vào thửa 202 của ông S1. Do ông N không biết rõ ranh giới đất, nên không đăng ký cấp giấy đối với phần đất tranh chấp. Việc ông S1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 202 (trong đó có phần tranh chấp) là không đúng trình tự, thủ tục, không ký giáp ranh đối với các chủ liên kề. Ông S1 lợi dụng lúc ông không có ở địa phương, kê khai, đăng ký luôn phần đất của ông. Sau đó, ông S1 tặng phần đất này lại cho bà M. Do phần đất này hiện do bà M đứng tên quyền sử dụng đất nên ông tranh chấp với bà M. Việc trong bản vẽ xác định vị trí A thuộc quyền sử dụng của ông S thì ông không hiểu vì sao, đất của ông S tại sao bà M lại sử dụng.

Bị đơn – bà Đặng Thị M trình bày: Theo bà biết, cách đây hơn 40 năm, mẹ của bà có mua đất của bà Khiết (phần lớn thửa 202) và mua một phần nhỏ của bà 2 Nở - chị dâu ông H (đến nay làm đường HT lấn vào chỉ còn vài m²) cho liền ranh phía trước. Cách nay hơn 31 năm, mẹ cho bà một phần của thửa đất trên, bà cất nhà ở riêng cho đến nay. Đến năm 1996, mẹ bà giao toàn bộ thửa 202 cho ông Đặng Văn S1 đứng tên. Đến năm 2004, ông S1 làm thủ tục tách thửa 395 (tách từ thửa 202) cho bà đứng tên. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà không đồng ý, vì phần đất này có nguồn gốc của mẹ bà để lại, không phải của ông H.

Đối với yêu cầu bà trả cho ông H 4m³ cát, bà không đồng ý. Khi ông H cho người đổ cát trên phần đất của bà, bà có nói với ông H bà không đồng ý, nhưng ông H cho rằng đất của ông nên đổ cát lấp cho bằng với mặt đường. Do đó, bà đã cào số cát trên lên phần lề đường, bà không có lấy cũng như sử dụng phần cát này của ông H. Sau đó, ông H đi về thành phố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Đặng Văn S trình bày: Theo Mạnh trích đo địa chính số 170-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cần Giuộc duyệt ngày 14-4-2021, vị trí A có diện tích 3,5m² thuộc thửa số 200 do ông Đặng Văn S đứng tên quyền sử dụng đất. Trên thực tế phần đất này nằm phía trong hàng rào nhà bà M, bà M sử dụng ổn định từ trước đến nay, gia đình ông không sử dụng phần đất này. Cạnh hàng rào nhà bà M là lối đi nhỏ vào các thửa đất bên trong như thửa 406, 405 của các con ông (phần lối đi này thuộc thửa số 200 do ông đứng tên). Do đó, ông S xác định phần vị trí A trong Mạnh trích đo thuộc quyền sử dụng của bà M, ông không tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kim X là vợ của ông Đặng Văn S, bà thống nhất với ý kiến của ông S.

Tại Văn bản số 3250/UBND-NC ngày 20-6-2022, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc thể hiện ý kiến như sau:

1. Việc Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận cho bà Đặng Thị M đối với thửa số 395, Tờ bản đồ số 4, tại xã P là đúng theo quy định pháp luật, căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12-7-2004 giữa ông Đặng Văn S1 và bà Đặng Thị M.

2. Qua sao lục, kiểm tra hồ sơ địa chính, hồ sơ biến động và hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện không có lưu hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 200, Tờ bản đồ số 4 tại xã P do Ủy ban nhân dân huyện cấp cho ông Đặng Văn S. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện chưa có cơ sở để có ý kiến về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, ông H cho rằng phần đất tranh chấp trước 1945 là địa, là đất công điền, gia đình ông đã san lấp sử dụng. Từ trước năm 1975 gia đình ông đã sử dụng đậu xe ô tô, làm chỗ quay đầu xe. Sau năm 1975, ông chuyển về thành phố sinh sống, nhưng thường xuyên về thăm nhà đất. Lúc về, ông có thấy phía gia đình bà M sử dụng đất, vì chưa có nhu cầu sử dụng nên ông không tranh chấp. Đến khi Nhà nước mở rộng đường HT, ông có cho người đổ cát trên phần đất tranh chấp để làm nơi đậu xe ô tô nhưng bà M ngăn cản, san hết cát của ông ra làm sân nhà bà M, từ đó xảy ra tranh chấp cho đến nay. Việc bà M cho rằng mẹ bà M mua phần đất tranh chấp của bà H từ năm 1980 cho liên ranh là không chính xác. Vì phần đất của mẹ bà M mua từ ông N – chủ đất. Khoảng năm 1990 ông N có hỏi ông mua phần đất trên nhưng do không có nhu cầu sử dụng nên ông từ chối và ông N bán lại cho mẹ bà M. Đến năm 1993 ông N chết. Cho nên nếu có thì mẹ bà M mua phần đất tranh chấp từ bà H phải sau năm 1990, thời điểm đó bà H không còn sinh sống ở P. Hơn nữa, bà H không phải là người đứng chủ quyền phần đất tranh chấp nên không có quyền bán đất cho mẹ bà M.

Bà Đặng Thị M cho rằng phần đất mẹ bà mua từ bà H từ khoảng năm 1980, thời điểm đó là phần đất trũng, giáp với bờ đi. Trước đây bờ đi là 1m, hiện là 6m, nên phần đất này hiện chỉ còn vài m². Vị trí cũng như diện tích cụ thể của phần đất mẹ bà mua từ bà H thì bà không biết cụ thể vì đã sử dụng liên ranh từ lâu. Phần đất bà đang sử dụng không có liên quan đến phần đất của ông H. Về phần cát mà ông H đổ trên phần đất của bà, bà không sử dụng phần cát trên, thời điểm đổ cát bà đã ngăn cản, và cào phần cát ông H đổ lên lề đường, ông H có chứng kiến, sau đó bỏ về thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Ông Đặng Văn S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, và thống nhất với lời trình bày của bà M. Phần đất của bà M sử dụng không liên quan đến phần đất của ông H. Ông H đã không ở địa phương từ trước năm 1975 đến nay. Phần đất của gia đình ông H là do ông Đặng Văn N quản lý, sử dụng. Quá trình các bên sử dụng đất đúng ranh, ổn định. Dù ông H không sinh sống ở địa phương nhưng anh em, cháu của ông H vẫn ở gần đó, không có tranh chấp hay ngăn cản gì đối với việc sử dụng đất của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông H khởi kiện cho rằng phần đất tranh chấp tại vị trí A và vị trí B có nguồn gốc của ông bà, cha mẹ ông H để lại. Tuy nhiên trong quá trình

giải quyết vụ án ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ông H thừa nhận là ông chưa được cấp quyền sử dụng đất đối với toàn bộ phần đất tranh chấp nêu trên. Mặt khác, bà M và ông S nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là đúng theo quy định của Luật đất đai, sử dụng ổn định, lâu dài. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bà M, ông S là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M, của ông S đối với phần đất tranh chấp là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc ông H yêu cầu bà M trả lại 4m³ cát, ông H không có chứng cứ chứng minh việc bà M đã sử dụng phần cát nêu trên và phía bà M không thừa nhận có sự việc bà M lấy số cát trên nên yêu cầu này không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; phần đất tranh chấp tọa lạc ấp L, xã P, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Kim X, ông Nguyễn Hoài T có văn bản đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà X và ông T.

[2] Về nội dung:

Ông Đặng Phú H khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị M và ông Đặng Văn S trả lại cho ông phần đất có tổng diện tích là 170,5m² thuộc một phần thửa số 395 (do bà M đứng tên quyền sử dụng đất) và một phần thửa số 200 (do ông S đứng tên quyền sử dụng đất) tương ứng với vị trí B – diện tích 167m² và vị trí A – diện tích 3,5m² trong Mảnh trích đo địa chính số 170-2021 ngày 14-4-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc. Thấy rằng,

Phần đất tranh chấp tương ứng với vị trí A và B trong Mảnh trích đo địa chính số 170-2021, hiện do bà Đặng Thị M quản lý, sử dụng. Trong quá trình sử dụng bà M đã cho rào toàn bộ phần đất của bà và thống nhất ranh với chủ liền kề là ông Đặng Văn S. Mặc dù vị trí B thể hiện đất thuộc thửa số 200 do ông S đứng tên quyền sử dụng đất nhưng ông S và bà M đều xác định phần đất đó từ trước đến nay do bà M sử dụng ổn định và không có tranh chấp. Theo bà M, thửa số 395 có nguồn gốc của mẹ bà để lại. Trước năm 2004, phần đất này thuộc

thửa số 202 do anh ruột là ông Đặng Văn S1 đứng tên quyền sử dụng đất (ông S1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1996). Sau đó, ông S1 làm thủ tục tách thửa, tặng cho bà M, và bà M được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 395 vào ngày 10-8-2004 bao gồm cả phần đất tranh chấp. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà M là đúng quy định pháp luật.

Theo ông H, phần vị trí đất tranh chấp tương ứng với vị trí đất của cha mẹ ông để lại từ trước năm 1975. Quá trình sử dụng đất, ông nhờ cháu là ông Đặng Văn N quản lý, trông coi. Sau đó, ông N đã tự ý kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ phần đất. Tuy nhiên ông N không biết cụ thể ranh giới đất nên không đăng ký phần đất hiện đang tranh chấp. Từ khi giao cho ông N, ông sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông không quản lý, sử dụng, hay đăng ký quyền sử dụng đối phần đất tranh chấp. Đến khi Nhà nước mở rộng đường HT, ông đổ cát lấp trên phần đất tranh chấp, bà M và ông phát sinh tranh chấp cho đến nay. Ông H xác định đối với phần đất tranh chấp trước đây cha mẹ có đứng tên hay không thì ông không biết, bản thân ông cũng chưa được cấp quyền sử dụng đối với phần đất trên. Ông xác định phần đất tranh chấp trước giờ do phía bà M sử dụng, ông có biết và không ngăn cản vì ông chưa có nhu cầu sử dụng.

Qua đó, thấy rằng, ông H cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ để lại từ trước năm 1975 nhưng ông H không có chứng cứ chứng minh phần đất này thuộc quyền sử dụng của cha mẹ ông. Và từ năm 1975 đến nay ông không quản lý, sử dụng, cũng như không xác lập quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất này. Trong khi đó, phần đất này do gia đình của bà M sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996, sau đó chuyển lại cho bà M tiếp tục sử dụng. Bà M đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 395 vào ngày 10-8-2004, ông S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 200 vào ngày 20-11-1996. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu bà M và ông S trả lại phần đất có diện tích 170,5m² có vị trí tương ứng với vị trí A và vị trí B trong Mảnh trích đo địa chính số 170-2021 là không có cơ sở chấp nhận. Từ đó yêu cầu về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M, của ông S đối với các phần đất tranh chấp là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu bà M bồi thường cho ông 4m³ cát lấp (hiện vật hoặc giá trị). Ông H và bà M đều xác định có việc ông H cho người đổ cát tại phần đất trước nhà bà M, giáp đường HT. Ông H xác định đã đổ 4m³ cát, bà M không biết cụ thể là bao nhiêu. Bà M cho rằng khi người của ông H đổ cát bà đã ngăn cản nhưng vẫn làm và sau đó bà có cào cát lại lên lề đường, ông H có chứng kiến. Ông H xác định bà M chỉ ngăn cản sau khi ông đã đổ cát xong, bà M cào cát lên lề đường, sau đó ông về Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H cho rằng trong lúc ông không có mặt bà M đã tự ý sử dụng số cát trên san lấp phần sân nhà bà M. Lời trình bày này của ông H không có chứng cứ chứng minh, bà M cũng không thừa nhận. Thấy rằng, ông H cho rằng bà M

gây thiệt hại cho ông 4m³ cát, nhưng thiệt hại này hoàn toàn do lỗi của ông H nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bà M. Ông H tự ý đổ cát lên phần đất đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà M mặc dù bà M đã ngăn cản. Sau khi bà M cào cát lên lề đường, ông H có biết, và bỏ về thành phố Hồ Chí Minh mà không có biện pháp nào bảo vệ tài sản của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu bà M bồi thường 4m³ cát là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326 nên ông H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ là 2.623.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu toàn bộ, hiện ông đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584 Bộ luật Dân sự; Điều 95, Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Phú H về việc:

- Yêu cầu bà Đặng Thị M trả cho ông phần đất có diện tích là 167m², thuộc một phần thửa 395 (do bà Đặng Thị M đứng tên quyền sử dụng đất), Tờ bản đồ số 4, đất tại ấp L, xã P, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và ông Đặng Văn S trả lại cho ông phần đất có diện tích 3,5m² thuộc một phần thửa 200 (do ông Đặng Văn S đứng tên quyền sử dụng đất), Tờ bản đồ số 4, đất tại ấp L, xã P, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An tương ứng với vị trí B và vị trí A trong Mảnh trích đo địa chính số 170-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 14-4-2021.

- Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị M, ông Đặng Văn S đối với phần đất tranh chấp nêu trên.

- Yêu cầu bà Đặng Thị M trả cho ông Đặng Phú H 4m³ cát (hoặc quy đổi ra tiền).

2. Về án phí: Ông Đặng Phú H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên không phải nộp.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Đặng Phú H phải chịu 2.623.000 đồng, ông H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyễn Xuân An